Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2922.49.00

Mã HS	2922.49.00
Mô tả hàng hóa	Hợp chất amino chức oxy / - Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:32:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29224900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4213
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4213
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4213
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4160
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4121
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4121
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4121
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4121
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4121
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4121
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4159
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4159

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4159
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4159
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4159
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4159
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4163
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4163
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4163
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4163
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4163
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4163
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4163
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4127
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4123
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4123
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4123
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4123
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4123
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4123
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4123
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4123
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4123
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4123
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4123
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4123
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4170
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4170
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4170
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4170
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4170
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4167
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4167
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4167
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4167
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4167
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4167
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4175
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4175
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4175
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4175
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4175
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4175
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4146
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4146
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4146
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4146
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4146
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4146
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4148
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4148
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4148
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4148
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4148
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4146
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4146
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4146
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4146
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4146
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4146
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4146
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4167
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4167
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4167
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4167
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4167
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4167
RCEP B	2022	2022	0	B!D4167
RCEP B	2023	2023	0	B!E4167
RCEP B	2024	2024	0	B!F4167
RCEP B	2025	2025	0	B!G4167
RCEP B	2026	2026	0	B!H4167
RCEP B	2027	2027	0	B!I4167
RCEP C	2022	2022	0	C!D4167
RCEP C	2023	2023	0	C!E4167
RCEP C	2024	2024	0	C!F4167
RCEP C	2025	2025	0	C!G4167
RCEP C	2026	2026	0	C!H4167

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4167
RCEP D	2022	2022	0	D!D4167
RCEP D	2023	2023	0	D!E4167
RCEP D	2024	2024	0	D!F4167
RCEP D	2025	2025	0	D!G4167
RCEP D	2026	2026	0	D!H4167
RCEP D	2027	2027	0	D!I4167
RCEP E	2022	2022	0	E!D4170
RCEP E	2023	2023	0	E!E4170
RCEP E	2024	2024	0	E!F4170
RCEP E	2025	2025	0	E!G4170
RCEP E	2026	2026	0	E!H4170
RCEP E	2027	2027	0	E!I4170
RCEP F	2022	2022	0	F!D4167
RCEP F	2023	2023	0	F!E4167
RCEP F	2024	2024	0	F!F4167
RCEP F	2025	2025	0	F!G4167
RCEP F	2026	2026	0	F!H4167
RCEP F	2027	2027	0	F!I4167
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3832
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3832
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3832
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3832

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2922.49.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2922.49.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4213), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.